

Số: **04/2025/QĐST-HNGĐ**

Nam Từ Liêm, ngày 02 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 577/2024/TLST-việcHNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Trần Quang H; Sinh năm 1984;

2. Bà Lê Thị Huyền T; Sinh năm 1985;

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tổ dân phố số F, P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Trần Quang H và bà Lê Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2009 tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (Số: 08). Quá trình chung sống, ông H và chị T phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023 đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã cùng nhau đưa ra phương án giải quyết những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông H và bà T đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Ông H và bà T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho ông H và bà T được thuận tình ly hôn;

[2] Về con chung: Ông H và bà T có 03 con chung là: Cháu Trần Quang A, sinh ngày 04/5/2010, cháu Trần Lê Huyền A1, sinh ngày 13/4/2017 và cháu Trần Lê Đức A2, sinh ngày 31/10/2020. Ông H và bà T thỏa thuận: Khi ly hôn, bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con cho đến khi các con tròn 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 03 con từ tháng 01/2025 cho đến khi các con tròn 18 tuổi; Mức cấp dưỡng nuôi con là: 20.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*)/tháng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/12/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về hôn nhân**: Ông Trần Quang H và bà Lê Thị Huyền T thuận tình ly hôn;

1.2. **Về con chung**: Ông H và bà T có 03 con chung là: Cháu Trần Quang A, sinh ngày 04/5/2010, cháu Trần Lê Huyền A1, sinh ngày 13/4/2017 và cháu Trần Lê Đức A2, sinh ngày 31/10/2020. Khi ly hôn, bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con cho đến khi các con tròn 18 tuổi; Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

1.3. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 03 con từ tháng 01/2025 cho đến khi các con tròn 18 tuổi; Mức cấp dưỡng nuôi con là: 20.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*)/tháng.

1.4. **Về tài sản chung và nợ chung**: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận bà T (bà Lê Thị N nộp hộ) đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0027781 ngày 17/12/2024*), nay chuyển thành lệ phí. Bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- Chi cục T3.Nam Từ Liêm;
- UBND P.Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, T.Nghệ An;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lệ T1

Số: 437/2024/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, K 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 400/2024/TLST-việcHNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Cảnh T2, sinh năm 1997; HKTT và ở: tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La;

2. Chị Vũ Quỳnh L, sinh năm 1996; HKTT và ở: CT3-11.8 I, tổ dân phố A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cảnh T2 và chị Vũ Quỳnh Liên kết H1 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận N, thành phố Hà Nội ngày 29/4/2021 (*Số B*). Quá trình chung sống, anh T2 và chị L phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh T2 và chị L đã nhiều lần hòa giải và tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì lý do cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh T2 và chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T2 và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 29/10/2021. Anh T2 và chị L thỏa thuận: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2

cấp dưỡng nuôi cháu Đ 5.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 và chị L xác nhận không có tài sản chung và vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T2 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/9/2024, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cảnh T2 và chị Vũ Quỳnh L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh T2 và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 29/10/2021. Anh T2 và chị L thỏa thuận: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 cấp dưỡng nuôi cháu Đ 5.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 và chị L xác nhận không có tài sản chung và vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T2 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận anh T2 đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0028019 ngày 19/9/2024*), nay chuyển thành lệ phí. Anh T2 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;

THẨM PHÁN

- UBND phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội Đỗ Thị Lệ Thủy
(GCNKH Số 165/2008)
- Lưu HS, VP.